

*Quảng Nam, ngày 22 tháng 12 năm 2020*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 – 2025**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/5/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 04/12/2020 của Tỉnh ủy Quảng Nam về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1983/SKHĐT-QHTH ngày 18/12/2020*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 – 2025, với những nội dung chính sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Cụ thể hóa việc triển khai Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII (sau đây viết tắt là Đại hội XXII), nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để tổ chức thực hiện.

- Triển khai thực hiện đầy đủ, toàn diện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh mà Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XXII đã đề ra; trong đó, lựa chọn những nhiệm vụ trọng tâm, đột phá để tập trung chỉ đạo, tạo động lực thực hiện đạt kết quả cao nhất.

- Phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị; đề ra các đề án, cơ chế, chính sách trọng tâm, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể và lộ trình triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu mà Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XXII đã đề ra.

### **II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

#### **1. Mục tiêu**

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII đề ra nhiều nhiệm vụ quan trọng để phát triển kinh tế; trong đó, có chủ trương cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, đổi mới sáng tạo, huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển kinh tế nhanh, bền vững; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân; tăng cường quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh

hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; phấn đấu đưa Quảng Nam trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước vào năm 2030.

## 2. Một số chỉ tiêu chủ yếu

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hằng năm từ 7,5 - 8%.
- GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 từ 110 - 113 triệu đồng.
- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hằng năm 9% (trong đó, thu nội địa tăng bình quân 10%/năm, thu xuất nhập khẩu tăng bình quân 4%/năm).
- Tỷ trọng các ngành trong GRDP đến năm 2025: Công nghiệp - xây dựng từ 35,8 - 36%; dịch vụ từ 37,2 - 37,3%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp từ 17,5 - 17,4%; nông, lâm nghiệp, thủy sản từ 9,5 - 9,3%. Đến năm 2030: Công nghiệp - xây dựng 35,5% (trong đó, công nghiệp 28,7%); dịch vụ 37%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp 19,3%; nông, lâm nghiệp, thủy sản 8,1%.
- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 khoảng 37%; trong đó, phấn đấu xây dựng thành phố tỉnh lỵ Tam Kỳ cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại I vào năm 2025, từng bước xây dựng đô thị sinh thái, thông minh và đạt tiêu chí đô thị loại I vào năm 2030. Đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 40%.
- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa bình quân 10%/năm.
- Tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội so với GRDP đến năm 2025 trên 30%.
- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân từ 6,8 - 7,3%/năm.
- Số lượt khách du lịch đến năm 2025 đạt khoảng 12 triệu lượt khách.
- Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa vào năm 2025 trên 99%.
- Đến năm 2025, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 71 - 72%.
- Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 70 - 75%; trong đó, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%; số lao động có việc làm tăng thêm 80.000 người.
- Phấn đấu đến cuối năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo của toàn tỉnh giảm còn 2,87% (trong đó, tỷ lệ hộ nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội khoảng 1,83%)<sup>1</sup>.
- Đến năm 2025, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 96%; có 12 bác sỹ/01 vạn dân; 43,6 giường bệnh/01 vạn dân; tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi còn 20%.
- Đến năm 2025, có 70% trường mầm non, 95% trường tiểu học, 80% trường trung học cơ sở, 60% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.
- Đến năm 2025, có 160 xã, chiếm 80% số xã đạt chuẩn NTM (trong đó, 64 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 16 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu); không còn huyện không có xã đạt chuẩn NTM, không còn xã đạt dưới 15 tiêu chí; có 09 đơn vị cấp huyện

<sup>1</sup> Chỉ tiêu này sẽ được điều chỉnh theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2021 - 2025.

đạt chuẩn NTM (trong đó, có 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu); phấn đấu trở thành tỉnh đạt chuẩn NTM trước năm 2035.

- Thu nhập bình quân đầu người tính theo thu nhập thực tế đến năm 2025 từ 68 - 70 triệu đồng.

- Đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh không còn nhà tạm bợ<sup>2</sup>.

- Đến năm 2025, tỷ lệ dân đô thị được sử dụng nước sạch đạt 90%.

- Đến năm 2025, 100% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị và 95% tại các điểm dân cư nông thôn được thu gom và xử lý; 95% chất thải rắn công nghiệp thông thường, 80% chất thải nguy hại, 100% chất thải rắn y tế được thu gom và xử lý.

- Đến năm 2025, 100% các khu công nghiệp đang hoạt động và 50% cụm công nghiệp có tỷ lệ lấp đầy trên 50% có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn về môi trường.

- Đến năm 2025, không phát sinh mới các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và 100% các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng nằm trong danh mục được khắc phục ô nhiễm và đưa ra khỏi danh mục.

- Đến năm 2025, tỷ lệ che phủ rừng đạt 61%.

- Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, giao quân hằng năm đạt 100% chỉ tiêu giao; 100% xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh, trên 70% xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện.

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

#### **1. Nhiệm vụ chung đối với các Sở, Ban ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố**

- Chủ động triển khai, quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội XXII và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XXII của Tỉnh ủy đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức, tư tưởng, hành động trong triển khai các chủ trương, chính sách để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh.

- Tổ chức kiểm kê, đánh giá đầy đủ các nguồn nhân lực, vật lực, tài lực của nền kinh tế theo chức năng quản lý nhà nước của đơn vị và theo địa bàn quản lý, làm cơ sở xây dựng quy hoạch tỉnh, các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm; kế hoạch tài chính năm và kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm, 05 năm của tỉnh; đảm bảo tất cả các nguồn lực của nền kinh tế được quản lý, bảo vệ, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, phát huy tối đa hiệu quả.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành mới các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế, nguồn lực hiện có, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội toàn diện, bền vững.

<sup>2</sup> Đảm bảo tiêu chuẩn 03 cứng: Nền cứng, khung cứng, mái cứng.

- Thực hiện tái cơ cấu kinh tế theo lộ trình phù hợp, hình thành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý theo từng vùng, miền, ngành, lĩnh vực; điều chỉnh cơ cấu nội bộ các ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành dịch vụ - du lịch.

- Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của sản phẩm các ngành, lĩnh vực, các thành phần kinh tế, tạo sự chuyển biến thực chất trong từng ngành, lĩnh vực.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; chủ động nắm bắt cơ hội, tận dụng, phát huy hiệu quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để phát triển kinh tế xã hội.

- Bảo tồn các di sản văn hóa, giữ gìn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường du lịch; tạo nhiều việc làm, gắn kết phát triển thành thị và nông thôn. Giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo đảm an sinh xã hội, không ngừng nâng cao mức sống dân cư, giảm thiểu khoảng cách giàu nghèo.

- Xây dựng bộ máy chính quyền kỷ cương, liêm chính, hành động, phục vụ; chú trọng công tác cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, công vụ, tạo động lực và áp lực trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu.

## **2. Nhiệm vụ cụ thể**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, Chương trình hành động của Tỉnh ủy và điều kiện thực tế của tỉnh, UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai với 13 giải pháp trọng tâm gồm 160 chương trình, đề án, nhiệm vụ cụ thể trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, như sau:

1. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và phát triển đô thị (gồm 19 chương trình, đề án, nhiệm vụ).

2. Chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao (gồm 10 chương trình, đề án, nhiệm vụ).

3. Cải thiện môi trường đầu tư gắn với bảo vệ môi trường và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (gồm 08 chương trình, đề án, nhiệm vụ).

4. Phát triển mạnh kinh tế biển, vùng đồng bằng ven biển và Khu kinh tế mở Chu Lai giai đoạn mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trở thành khu kinh tế động lực của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước (gồm 11 chương trình, đề án, nhiệm vụ).

5. Tập trung nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội vùng trung du, miền núi (gồm 07 chương trình, đề án, nhiệm vụ).

6. Khai thác tiềm năng, lợi thế liên kết Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (gồm 08 chương trình, đề án, nhiệm vụ).

7. Cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng ngành dịch vụ - du lịch (gồm 24 chương trình, đề án, nhiệm vụ)..

8. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân (gồm 14 chương trình, đề án, nhiệm vụ).

9. Phát triển khoa học và công nghệ; bảo vệ tài nguyên và môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và thiên tai (gồm 27 chương trình, đề án, nhiệm vụ).

10. Đảm bảo an sinh xã hội (gồm 10 chương trình, đề án, nhiệm vụ).

11. Đẩy mạnh cải cách hành chính; hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế (gồm 07 chương trình, đề án, nhiệm vụ).

12. Đảm bảo quốc phòng và an ninh (gồm 11 chương trình, đề án, nhiệm vụ).

13. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, văn hóa, xây dựng hệ thống chính quyền các cấp vững mạnh (gồm 08 chương trình, đề án, nhiệm vụ).

*(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

- Là cơ quan chủ trì, tham mưu giúp UBND tỉnh tổ chức hướng dẫn triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch. Tham mưu UBND tỉnh sơ kết hằng năm vào cuối năm và tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch trong năm 2025.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh trong việc xây dựng, lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch khi xây dựng Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; kế hoạch, chương trình, đề án phát triển kinh tế xã hội 5 năm và hằng năm.

- Tham mưu UBND tỉnh cân đối, huy động, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch.

### **2. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố:**

- Tập trung quán triệt, triển khai phổ biến, tuyên truyền, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của ngành, địa phương quyết tâm và phấn đấu đạt hoặc vượt mục tiêu Kế hoạch đã đề ra.

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này và Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 04/12/2020 của Tỉnh ủy Quảng Nam để xây dựng Kế hoạch thực hiện của ngành, địa phương phù hợp với thực tế, gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của

cơ quan, đơn vị, địa phương và việc thực hiện cụ thể các mục tiêu, chỉ tiêu theo từng thời kỳ. Hằng năm tổ chức sơ kết, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

**3. Sở Tài chính** phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong cân đối ngân sách hằng năm, trình cấp thẩm quyền bố trí kinh phí đảm bảo nhiệm vụ theo kế hoạch.

**4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội** đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt vận động hội viên và nhân dân hăng hái thi đua thực hiện tốt các nội dung Kế hoạch đã đề ra, phấn đấu tạo sự chuyển biến tích cực trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh; Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Giám đốc Đài Phát thanh – Truyền hình Quảng Nam, Tổng Biên tập Báo Quảng Nam và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT TU, HĐND, UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- CPVP, các phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Trí Thanh**



## Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2020 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời Gian hoàn thành	Hình thức ban hành văn bản	Thẩm quyền cơ quan ban hành
<b>I</b>	<b>Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và phát triển đô thị</b>					
1.	Hoàn thành Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý II/2022	Quyết định	Thủ tướng
2.	Xây dựng Danh mục dự án trọng điểm kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021 - 2025.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý II/2021	Quyết định	UBND tỉnh
3.	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý II/2021	Nghị quyết	HĐND tỉnh
4.	Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2020	Nghị quyết	HĐND tỉnh
5.	Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2020	Nghị quyết	HĐND tỉnh
6.	Xúc tiến, thu hút các dự án FDI, ODA, các dự án theo hình thức đối tác công tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Đề án	UBND tỉnh

7.	Hướng dẫn trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất và dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý I/2021	Quyết định	UBND tỉnh
8.	Triển khai đề án Kiên cố hóa hệ thống đường huyện và giao thông nông thôn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Sở Giao thông Vận tải	Các sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Nghị quyết	HĐND tỉnh
9.	Đầu tư hoàn thiện tuyến đường ven biển Việt Nam qua tỉnh Quảng Nam	Ban quản lý Dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý II/2022	Quyết định	UBND tỉnh
10.	Đầu tư khôi phục và phát triển đô thị du lịch – dịch vụ sông Cù Cò, Trường Giang	BQL Dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh, Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và địa phương	Cả nhiệm kỳ	Nghị quyết	HĐND tỉnh
11.	Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải để triển khai các dự án mở rộng, nâng cấp các tuyến Quốc lộ qua địa bàn tỉnh	Sở Giao thông Vận tải	Các sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Quyết định	Thủ tướng
12.	Xây dựng các tuyến đường ngang kết nối đường cao tốc, Quốc lộ 1A với đường ven biển 129 và hệ thống giao thông kết nối các khu chức năng, các nhóm dự án trọng điểm và giao thông liên vùng	BQL Dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh, Sở Giao thông vận tải	Các sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Nghị quyết	HĐND tỉnh
13.	Dự án phát triển tổng hợp tỉnh Quảng Nam, đầu tư phát triển hạ tầng các đô thị động lực, các tuyến giao thông kết nối, thu gom và xử lý nước thải, ứng phó với biến đổi khí hậu	Các BQL đầu tư xây dựng thuộc tỉnh	Các sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2024	Quyết định	UBND tỉnh
14.	Cơ chế hỗ trợ phát triển đô thị trên địa bàn Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý I/2021	Nghị quyết	HĐND tỉnh



15.	Đề án phát triển các đô thị bền vững	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý I/2021	Nghị quyết	HĐND tỉnh
16.	Đề án xây dựng thành phố Tam Kỳ cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại I vào năm 2025.	Sở Xây dựng, UBND thành phố Tam Kỳ	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý I/2021	Nghị quyết	
17.	Phát triển đô thị Hội An thành đô thị đặc thù tương đương Tiêu chí đô thị loại II, Điện Bàn thành đô thị loại III; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại IV cho Ái Nghĩa	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Nghị quyết	HĐND tỉnh
18.	Hình thành 03 đô thị mới Duy Hải – Duy Nghĩa, Bình Minh và Bình Hải là đô thị loại V và từng bước kết nối hình thành chuỗi đô thị Nam Hội An đạt các tiêu chí đô thị loại IV theo hướng đô thị du lịch, dịch vụ cấp vùng	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Nghị quyết	HĐND tỉnh
19.	Đầu tư, hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại IV cho các đô thị Thạnh Mỹ, Khâm Đức, Trà My trở thành đô thị trung tâm vùng, tạo động lực phát triển lan tỏa, kết nối với khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang và các cơ sở kinh tế-kỹ thuật trong vùng	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Nghị quyết	HĐND tỉnh
<b>II</b>	<b>Chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao</b>					
1.	Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Quyết định	UBND tỉnh
2.	Trên cơ sở Chiến lược chuyển đổi số quốc gia, xây dựng kế hoạch chuyển đổi số tại Quảng Nam. Thực hiện chuyển đổi số tại Quảng Nam một cách toàn diện từ chính quyền đến xã hội, doanh nghiệp để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số. Phân đầu đến năm 2025 cơ bản hoàn thành xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới xây dựng chính quyền số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2021	Quyết định	UBND tỉnh

3.	Hoàn thành xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Nam phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2022	Quyết định	UBND tỉnh
4.	Triển khai kết nối liên thông các hệ thống thông tin và ứng dụng quản lý trên địa bàn tỉnh, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu cấp tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2021	Đề án	UBND tỉnh
5.	Triển khai hệ thống phần mềm du lịch thông minh tỉnh Quảng Nam	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2021	Kế hoạch	UBND tỉnh
6.	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý, cấp phép đầu tư, hộ kinh doanh cá thể	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2022	Quyết định	UBND tỉnh
7.	Xây dựng cơ sở dữ liệu về ngành y tế, nâng cấp và phát triển các ứng dụng, dịch vụ, tiện ích trong lĩnh vực y tế nhằm nâng cao năng lực hệ thống y tế trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2022	Quyết định	UBND tỉnh
8.	Quy hoạch lại mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp bảo đảm phù hợp với yêu cầu và điều kiện của từng địa phương trong tỉnh	Sở lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2021	Quy hoạch	UBND tỉnh
9.	Thực hiện theo lộ trình phổ cập kỹ năng số, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho người lao động	Sở lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Nghị quyết	HĐND tỉnh
10.	Xây dựng kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 gắn với các ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển và nhu cầu sử dụng lao động tại Khu kinh tế mở Chu Lai và các địa phương trên địa bàn tỉnh	Sở lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Nghị quyết	HĐND tỉnh

<b>III</b>	<b>Cải thiện môi trường đầu tư và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo</b>					
1.	Đề án Cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường cải cách hành chính, nâng cao các chỉ số đánh giá địa phương (PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS, ICT INDEX,...)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý II/2021	Quyết định	UBND tỉnh
2.	Đề án xây dựng hình ảnh và thương hiệu Quảng Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Quý II/2021	Quyết định	UBND tỉnh
3.	Tổ chức tiếp doanh nghiệp định kỳ hằng tháng; tiếp doanh nghiệp theo nhóm ngành, lĩnh vực, địa phương để giải quyết và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh
4.	Duy trì Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh trong nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh
5.	Quy định về hỗ trợ xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Nam	Ban điều hành hỗ trợ Khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Quảng Nam	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2021	Quyết định	UBND tỉnh
6.	Xây dựng đề án đổi mới sáng tạo trên nền tảng chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam đến năm 2030	Ban điều hành hỗ trợ Khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Quảng Nam; Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2021	Đề án	UBND tỉnh

7.	Xây dựng và công khai danh mục dự án thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp của tỉnh, đồng thời đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư để thu hút các nhà đầu tư có tiềm năng vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2021	Quyết định	UBND tỉnh
8.	Tiếp tục duy trì và phát triển Sàn Thương mại điện tử trong giai đoạn 2021 - 2025	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh
<b>IV</b>	<b>Phát triển mạnh kinh tế biển, vùng đồng bằng ven biển và Khu kinh tế mở Chu Lai giai đoạn mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trở thành khu kinh tế động lực của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước</b>					
1.	Tổ chức lập quy hoạch phân khu các khu chức năng trong Khu kinh tế mở Chu Lai theo quy hoạch chung xây dựng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	BQL Khu KTM Chu Lai	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý III/2021	Quy hoạch	UBND tỉnh
2.	Đề đề xuất áp dụng một số cơ chế đặc thù riêng cho các dự án động lực trong Khu kinh tế mở Chu Lai	BQL Khu KTM Chu Lai	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Cơ chế	Thủ tướng
3.	Hoàn chỉnh Quy hoạch liên vùng huyện phía Đông tỉnh Quảng Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý II/2021	Quy hoạch	UBND tỉnh
4.	Xúc tiến, đầu tư hạ tầng và phát triển mạnh dịch vụ cảng biển Chu Lai - Kỳ Hà theo quy mô tính chất của cảng loại 1 quốc gia	Ban quản lý khu KTM Chu Lai, Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Quyết định	Thủ tướng
5.	Phát triển khu phức hợp ô tô Chu Lai - Trường Hải tại KCN Tam Hiệp, Tam Anh có quy mô ngang tầm khu vực, tạo ra sản phẩm ô tô có công nghệ phù hợp, đạt tiêu chuẩn quốc tế và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu	Ban quản lý khu KTM Chu Lai, Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh

6.	Thúc đẩy khởi công xây dựng Dự án Trung tâm khí điện miền Trung để đưa vào hoạt động; Xúc tiến đầu tư vào Khu công nghiệp khí điện 410 ha, với các ngành công nghiệp năng lượng và công nghiệp sử dụng năng lượng sạch, các ngành công nghiệp hóa chất và sản phẩm sau khí	Ban quản lý Khu KTM Chu Lai, Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Dự án	UBND tỉnh
7.	Mở rộng diện tích các khu công nghiệp Đông Nam Thăng Bình theo định hướng (1.380 ha), thu hút phát triển các ngành công nghiệp sạch, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp khác	Ban Quản lý Khu KTM Chu Lai, Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Quyết định	UBND tỉnh
8.	Đầu tư xây dựng khu công nghiệp chuyên nông – lâm nghiệp Thaco Chu Lai nhằm thu hút, đầu tư các dự án công nghiệp chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông – lâm nghiệp	Ban quản lý Khu KTM Chu Lai, Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2022	Quyết định	UBND tỉnh
9.	Đầu tư, hoàn thiện các khu dân cư tái định cư, nghĩa trang phù hợp với yêu cầu giải phóng mặt bằng, sắp xếp dân cư để chuẩn bị để phục vụ yêu cầu giải phóng mặt bằng cho các dự án lớn vùng Đông	UBND các huyện, thành phố, thị xã liên quan	Ban quản lý Khu Kinh tế mở Chu Lai và các Sở, ban, ngành	Theo từng dự án	Quyết định	UBND tỉnh
10.	Đầu tư cấp nước cho các xã vùng Đông Nam để đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch của cộng đồng dân cư và cho các dự án đầu tư	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Quyết định	UBND tỉnh
11.	Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải xúc tiến đầu tư các hạng mục thiết yếu tại Cảng hàng không Chu Lai, điều chỉnh quy hoạch tổng thể và lựa chọn nhà đầu tư để phát triển khu vực sân bay Chu Lai thành Trung tâm công nghiệp – thương mại- dịch vụ hàng không quốc tế Chu Lai	Sở Giao thông Vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu KTM Chu Lai	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Quyết định	Thủ tướng
V	<b>Tập trung nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội vùng trung du, miền núi</b>					

1.	Xây dựng Đề án phát triển kinh tế xã hội miền núi (bao gồm phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại) gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 – 2030	Ban Dân tộc tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, Ban, ngành, địa phương	Quý II/2021	Nghị quyết	HĐND tỉnh
2.	Triển khai thực hiện Đề án Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn tỉnh	Ban Dân tộc	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Hàng năm	Đề án	UBND tỉnh
3.	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Ban Dân tộc	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Hàng năm	Nghị quyết	HĐND tỉnh
4.	Quy định mức chi hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2021	Nghị quyết	HĐND tỉnh
5.	Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn & hôn nhân cận huyết thống	Ban Dân tộc	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Hàng năm	Đề án	UBND tỉnh
6.	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Ban Dân tộc	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Hàng năm	Nghị quyết	HĐND tỉnh
7.	Đầu tư, phát triển các mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm theo chuỗi giá trị, vùng trồng sâm Ngọc Linh và dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	Ban Dân tộc	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Hàng năm	Nghị quyết	HĐND tỉnh
<b>VI</b>	<b>Khai thác tiềm năng, lợi thế liên kết Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung</b>					

1.	Xây dựng và hình thành chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản, các sản phẩm lợi thế của các địa phương trong Vùng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh
2.	Tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung; tổng hợp tiềm năng, lợi thế so sánh của các địa phương Vùng; tổng hợp các mục tiêu, định hướng thực hiện liên kết phát triển của các địa phương Vùng	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh
3.	Đề án xây dựng hệ thống các giải pháp, kiến nghị và đề xuất Trung ương, các địa phương Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung về nội dung phát triển kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của Vùng	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh
4.	Xây dựng phương án liên kết phát triển nguồn nhân lực giữa các địa phương Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Sở Lao động, thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Quyết định	UBND tỉnh
5.	Nghiên cứu, xúc tiến hình thành cụm động lực phát triển miền Trung gồm 03 tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Quảng Nam và Quảng Ngãi; tạo thành các tổ hợp kinh tế nông - công nghiệp - dịch vụ tương tác và hỗ trợ nhau	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Đề án	UBND tỉnh
6.	Chương trình phát triển hạ tầng giao thông gắn với logistics tại vùng kinh tế trọng điểm miền Trung	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Chương trình	UBND tỉnh
7.	Xây dựng Trường dạy nghề cấp Vùng theo tiêu chuẩn quốc tế để thực hiện mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển phục vụ cho Vùng KTTĐ miền Trung	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, Ban, ngành và địa phương	Năm 2022	Nghị quyết	HĐND tỉnh
8.	Chương trình phát triển du lịch bền vững tỉnh Quảng Nam	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, Ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Chương trình	UBND tỉnh

<b>VII</b>	<b>Cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng ngành dịch vụ - du lịch</b>					
1.	Phấn đấu tăng thu ngân sách bình quân 9%/năm	Sở Tài chính, Cục Thuế	Các Sở, Ban, ngành và địa phương	Hàng năm		
2.	Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, phát triển nông, lâm, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, Ban, ngành và địa phương	Quý II/2021	Chương trình	UBND tỉnh
3.	Phát triển khu nông nghiệp công nghệ cao Đông Quảng Nam tại các huyện Thăng Bình, Tam Kỳ, Núi Thành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Chương trình	UBND tỉnh
4.	Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý I/2021	Nghị quyết	HĐND tỉnh
5.	Đề án hỗ trợ trồng rừng sản xuất gỗ lớn giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý II/2021	Đề án	UBND tỉnh
6.	Đề án nâng cao năng lực quản lý rừng bền vững tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý II/2021	Nghị quyết	HĐND tỉnh
7.	Đề án xây dựng vườn bảo tồn và phát triển cây dược liệu quốc gia	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý II/2021	Đề án	UBND tỉnh



8.	Phát triển vùng sản xuất rau, củ, quả an toàn (GAP)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Đề án	UBND tỉnh
9.	Đề án phát triển nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái, làng quê	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý I/2021	Đề án	UBND tỉnh
10.	Xây dựng các mô hình liên kết sản xuất nông lâm thủy sản giữa các hộ nông dân với hợp tác xã và doanh nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2021	Mô hình	UBND tỉnh
11.	Đề án phát triển các sản phẩm làng nghề (OCOP)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý III/2021	Đề án	UBND tỉnh
12.	Cơ chế phát triển kinh tế hợp tác, HTX trong sản xuất nông lâm thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý II/2021	Nghị quyết	HĐND tỉnh
13.	Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại các xã Bình Sa, Bình Nam của huyện Thăng Bình và xã Tam Tiến của huyện Núi Thành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2021	Nghị quyết	HĐND tỉnh
14.	Đề án phát triển nông, lâm, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa	Sở NN&PTNT	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2021	Đề án	UBND tỉnh
15.	Đề án “Phát triển thương mại, dịch vụ tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”.	Sở Công Thương; Sở VH,TT&DL	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý II/2022	Đề án	UBND tỉnh

16.	Đề án phát triển thương mại trong nước gắn với cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2020-2025	Sở Công Thương;	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Cả nhiệm kỳ	Đề án	UBND tỉnh
17.	Phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may gắn với phát triển đô thị Tam Kỳ	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Chương trình	UBND tỉnh
18.	Phát triển các Trung tâm thương mại dịch vụ gắn với các khu dân cư tại vùng Đông thành phố Tam Kỳ, các khu đô thị Núi Thành, khu đô thị Tam Anh.	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Chương trình	UBND tỉnh
19.	Xây dựng chính sách và áp dụng các biện pháp thích hợp để tăng cường liên kết trong chuỗi cung ứng hàng hóa của các doanh nghiệp phân phối gắn với quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Chính sách	UBND tỉnh
20.	Đề án đầu tư tu bổ tích quốc gia và di tích cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý I/2022	Nghị quyết	HĐND tỉnh
21.	Hình thành một số khu du lịch lớn tại vùng Đông Nam Thăng Bình, Vùng Đông Tam Kỳ và huyện Núi Thành	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Quyết định	UBND tỉnh
22.	Chương trình phát triển du lịch tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2021	Nghị quyết	HĐND tỉnh
23.	Triển khai kế hoạch quảng bá, xúc tiến du lịch tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Báo cáo	UBND tỉnh

24.	Đề án hỗ trợ phát triển một số điểm du lịch cộng đồng tỉnh Quảng Nam đến năm 2025	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2021	Nghị quyết	HĐND tỉnh
<b>VIII</b>	<b>Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khoẻ nhân dân</b>					
1.	Đề án đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, y tế	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, các Sở, Ban, ngành và địa phương	Quý II/2021	Đề án	UBND tỉnh
2.	Đề án nâng cao chất lượng giáo dục và kỹ năng sống cho học sinh các bậc học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Đề án	UBND tỉnh
3.	Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Đề án	UBND tỉnh
4.	Tổ chức rà soát, sắp xếp lại các trường, điểm trường, lớp học gắn với việc bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh
5.	Thực hiện tốt đề án Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Đề án	UBND tỉnh
6.	Triển khai thực hiện Đề án Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mầm non và học sinh tiểu học tại 06 huyện miền núi cao tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2020 – 2022	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Báo cáo	UBND tỉnh

7.	Phát động phong trào học bơi và phòng, chống đuối nước cho học sinh; xây dựng Đề án “Lắp đặt hệ thống hồ bơi di động tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2020-2023	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Đề án	UBND tỉnh
8.	Thực hiện đổi mới phương pháp dạy và học, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và các thành tựu khác của khoa học công nghệ vào dạy học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh
9.	Tiếp tục đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2020-2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Nghị quyết	HĐND tỉnh
10.	Xây dựng Đề án phát triển sự nghiệp y tế giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2021	Nghị quyết	HĐND tỉnh
11.	Đề án phòng, chống đại dịch Covid-19 và các dịch bệnh nguy hiểm ảnh hưởng đến Quảng Nam	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý I/2021	Quyết định	UBND tỉnh
12.	Đề án cơ sở dữ liệu y tế toàn dân Quảng Nam, liên thông lý lịch y tế	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý III/2021	Đề án	UBND tỉnh
13.	Khuyến khích phát triển mạnh mẽ hệ thống bệnh viện, cơ sở chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng ngoài công lập, đặc biệt là các mô hình hoạt động không vì lợi nhuận	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh
14.	Giám sát tình trạng dinh dưỡng, bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ có thai; phát hiện và giải quyết kịp thời các vấn đề dinh dưỡng trong tình trạng khẩn cấp	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh

<b>IX</b>	<b>Phát triển khoa học và công nghệ; bảo vệ tài nguyên và môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và thiên tai</b>					
1.	Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2021	Kế hoạch	UBND tỉnh
2.	Đề án khung nhiệm vụ khoa học công nghệ về quỹ gen cấp tỉnh thực hiện giai đoạn 2021-2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý II/2021	Đề án	UBND tỉnh
3.	Kế hoạch quan trắc phóng xạ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý I/2021	Kế hoạch	UBND tỉnh
4.	Kế hoạch tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm làng nghề truyền thống tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý I/2021	Kế hoạch	UBND tỉnh
5.	Kế hoạch triển khai quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý I/2021	Kế hoạch	UBND tỉnh
6.	Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý I/2021	Kế hoạch	UBND tỉnh
7.	Đẩy mạnh các giải pháp thực hiện cơ chế đặt hàng gắn với cam kết ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ thành công vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Báo cáo	UBND tỉnh

8.	Đề án phát triển các tổ chức nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2022	Đề án	UBND tỉnh
9.	Đề án thành lập Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam tại tỉnh Quảng Nam (gồm Bảo tàng thiên nhiên Khu vực Nam Trung bộ và Bảo tàng Hải Dương học duyên hải miền Trung)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý II/2022	Đề án	UBND tỉnh
10.	Dự án phòng phân tích và thử nghiệm chất lượng sản phẩm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý III/2022	Quyết định	UBND tỉnh
11.	Dự án nâng cao năng lực kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo phục vụ công tác quản lý nhà nước về đo lường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý III/2022	Quyết định	UBND tỉnh
12.	Hệ thống hóa, bổ sung, xây dựng cơ sở dữ liệu về điều kiện tự nhiên, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển kinh tế- xã hội	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý II/2022	Quyết định	UBND tỉnh
13.	Cấp phép đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến khoáng sản gắn với vùng nguyên liệu	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Quyết định	UBND tỉnh
14.	Thực hiện đồng bộ các giải pháp, gắn tăng cường kiểm tra, giám sát để làm tốt hơn nữa công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Quyết định	UBND tỉnh
15.	Đề án phòng tránh thiên tai bền vững vùng núi, ven biển, ven sông tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2030 (bao gồm xây dựng nhà chống lũ và nhà trú bão).	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Xây dựng, các Sở, Ban, ngành, địa phương	Quý I/2021	Quyết định	UBND tỉnh

16.	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2021	Quyết định	UBND tỉnh
17.	Đầu tư, lắp đặt hệ thống thu nhận, lưu trữ dữ liệu giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2021	Quyết định	UBND tỉnh
18.	Đề án thu gom, xử lý rác công nghiệp, rác sinh hoạt giai đoạn 2021-2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2021	Đề án	UBND tỉnh
19.	Giám sát chặt chẽ việc vận hành các hồ chứa thủy điện, thủy lợi đảm bảo nguồn nước cho hạ du lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, đặc biệt trong mùa cạn nhằm đảm bảo cung cấp nước phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất của người dân phía hạ du	Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh
20.	Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh đảm bảo hiệu quả, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Theo từng dự án	UBND tỉnh
21.	Đề án xây dựng nhà chống lũ, nhà trú bão giai đoạn 2021 - 2025	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2021	Đề án	UBND tỉnh
22.	Đầu tư xây dựng sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn các hồ chứa, hệ thống kè chống sạt lở, công trình phòng chống thiên tai ở các địa phương có nguy cơ tổn thương cao do tác động của biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Theo từng dự án	UBND tỉnh
23.	Hoàn thiện phương pháp định giá đất và triển khai xây dựng bản đồ giá đất giai đoạn 2020-2025. Tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2021	Nghị quyết	HĐND tỉnh

24.	Đề án về chính sách tích tụ, tập trung đất đai để hình thành các vùng chuyên canh gắn với việc liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với địa phương và nông dân	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý I/2021	Đề án	UBND tỉnh
25.	Thực hiện các dự án trồng và khôi phục rừng ngập mặn (rừng dừa nước, đước, mắm), rừng chắn cát, chắn sóng biển (phi lao, dừa,...); nạo vét lòng sông, xây và củng cố đê biển, kè biển, cảng, nhà đa năng, nhà cộng đồng tránh bão, đường tránh lũ,... chú ý đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng phải tính đến tác động của các kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Theo từng dự án	HĐND tỉnh
26.	Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông hồ là nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2022	Quyết định	UBND tỉnh
27.	Dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu 7 xã huyện Thăng Bình, Quế Sơn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2022	Quyết định	UBND tỉnh
<b>X</b>	<b>Đảm bảo an sinh xã hội</b>					
1.	Triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Nghị quyết	HĐND tỉnh
2.	Tổ chức thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội (y tế, giáo dục, trợ cấp xã hội,...) cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo để có cuộc sống ổn định, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững theo chuẩn nghèo đa chiều 2021 -2025	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Quyết định	UBND tỉnh



3.	Chương trình giải quyết việc làm giai đoạn 2021 – 2025	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Chương trình	UBND tỉnh
4.	Thực hiện tốt các chính sách bảo đảm phúc lợi xã hội cho người lao động công nghiệp, đặc biệt là các chính sách về tiền lương, bảo hiểm, các công trình nhà ở, an sinh xã hội, công trình phúc lợi công cộng.	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Chính sách	UBND tỉnh
5.	Thực hiện Đề án Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin quản lý, lưu trữ và khai thác hồ sơ người có công trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Đề án	UBND tỉnh
6.	Tiếp tục thực hiện Đề án xây dựng, cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ và các công trình ghi công liệt sỹ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Nghị quyết	HĐND tỉnh
7.	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm xã hội trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh
8.	Thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2030	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh
9.	Thực hiện có hiệu quả kế hoạch hành động vì bình đẳng giới giai đoạn 2021-2025	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh
10.	Thực hiện có hiệu quả Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch hằng năm	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Chương trình	UBND tỉnh

<b>XI</b>	<b>Đẩy mạnh cải cách hành chính; hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế</b>					
1.	Tiếp tục cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh
2.	Phấn đấu Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công trong nhóm 20 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh
3.	Tổ chức các hội thảo, chương trình tập huấn, tăng cường phổ biến kiến thức cho doanh nghiệp về hội nhập kinh tế quốc tế, các cam kết của Việt Nam với WTO, các hiệp định song phương, đa phương.	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Chương trình	UBND tỉnh
4.	Xây dựng chương trình hoạt động đối ngoại của tỉnh giai đoạn 2020-2025	Sở Ngoại vụ	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Chương trình	UBND tỉnh
5.	Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 258/KH-TU ngày 25/7/2019 của Tỉnh ủy Quảng Nam về học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 08/8/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030.	Sở Ngoại vụ	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh
6.	Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác hội nhập quốc tế tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030	Sở Ngoại vụ	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh
7.	Triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2019-2025	Sở Ngoại vụ	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh

<b>XII</b>	<b>Đảm bảo quốc phòng và an ninh</b>					
1.	Xây dựng và thực hiện các Đề án về bảo đảm quốc phòng, an ninh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2021	Đề án	UBND tỉnh
2.	Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2030 và những năm tiếp theo	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ban ngành, địa phương	Năm 2021	Quyết định	UBND tỉnh
3.	Đề án xây dựng, tổ chức hoạt động lực lượng quân báo nhân dân trong dân quân tự vệ của tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ban ngành, địa phương	Năm 2021	Đề án	UBND tỉnh
4.	Đề án bảo đảm thông tin liên lạc cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, diễn tập, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ban ngành, địa phương	Năm 2021	Đề án	UBND tỉnh
5.	Đề án quy hoạch, xây dựng căn cứ hậu cần khu vực phòng thủ tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ban ngành, địa phương	Năm 2021	Đề án	UBND tỉnh
6.	Đề án xây dựng lực lượng, huấn luyện và bảo đảm chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ giai đoạn 2021-2026	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ban ngành, địa phương	Năm 2021	Đề án	UBND tỉnh
7.	Đề án xây dựng Hải đội dân quân thường trực	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ban ngành, địa phương	Năm 2022	Đề án	UBND tỉnh

8.	Dự án mua sắm trang thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Năm 2021	Quyết định	UBND tỉnh
9.	Đề án hiện đại hóa hệ thống camera giám sát an ninh trật tự - giao thông trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành và địa phương	2021-2025	Quyết định	UBND tỉnh
10.	Thực hiện hiệu quả chương trình phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, phòng chống mua bán người giai đoạn 2021-2025.	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh
11.	Đẩy mạnh công tác thanh tra KT-XH; thanh tra trách nhiệm thủ trưởng về thi hành Luật Khiếu nại, tố cáo; Luật Phòng, chống tham nhũng. Tổ chức tốt công tác tiếp công dân, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo.	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Kế hoạch	UBND tỉnh
<b>XIII</b>	<b>Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, văn hóa, xây dựng hệ thống chính quyền các cấp vững mạnh</b>					
1.	Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đoạn 2021 – 2025	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý II/2021	Đề án	UBND tỉnh
2.	Quy định quản lý hoạt động tuyên truyền của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý II/2021	Quyết định	UBND tỉnh
3.	Đề án phát triển sự nghiệp văn hóa tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 – 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2021	Đề án	UBND tỉnh

4.	Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Báo cáo	UBND tỉnh
5.	Đề án phát triển phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Đề án	UBND tỉnh
6.	Tập trung thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp từ tỉnh đến huyện; rà soát sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện theo lộ trình; các tổ chức hội, các quỹ, các ban chỉ đạo, tổ chức phối hợp liên ngành đảm bảo nguyên tắc, mục tiêu, tiến độ đề ra	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Đề án	UBND tỉnh
7.	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, kiện toàn tổ chức bộ máy giai đoạn 2020-2025	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Đề án	UBND tỉnh
8.	Rà soát, đánh giá hiện trạng cán bộ, công chức, viên chức; bố trí lại theo yêu cầu vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh công chức, viên chức và thực hiện đồng bộ với tinh giản biên chế.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	Đề án	UBND tỉnh